

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

1.1. Tên môn học : **KINH TẾ QUỐC TẾ** - Mã môn học: **ECON2303**

1.2. Khoa phụ trách : Khoa Kinh Tế và Luật

1.3. Số tín chỉ : 3 tín chỉ lý thuyết

### 2. Mô tả môn học:

Kinh tế quốc tế (KTQT) nghiên cứu sự phụ thuộc kinh tế giữa các quốc gia, phân tích dòng chảy hàng hóa, dịch vụ và thanh toán giữa một quốc gia với phần còn lại của thế giới, chính sách định hướng cho các dòng chảy này và ảnh hưởng của chúng đối với phúc lợi của quốc gia.

### 3. Mục tiêu môn học

#### 3.1. Mục tiêu tổng quát:

Cung cấp kiến thức cơ bản về KTQT, qua đó thấy được tầm quan trọng của nó đối với nền kinh tế mỗi nước và kinh tế thế giới, từ đó tìm ra các quy luật hay xu hướng vận động chung cho các nước

#### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tìm hiểu cơ sở hình thành và phát triển của TMQT cũng như lợi ích nó mang lại
- Tìm hiểu mục đích và cách thức áp dụng các chính sách thương mại, chính sách vĩ mô trong điều kiện nền KT mở cửa của các quốc gia
- Các quan hệ kinh tế quốc tế: cơ hội và thách thức nó mang lại.

#### \* Kiến thức:

Sau khi học xong môn học, sinh viên có đủ kiến thức để hiểu được bản chất của các mối quan hệ kinh tế quốc tế, lợi ích và những tác động tích cực cũng như tiêu cực nó mang lại cho quốc gia. Nắm bắt được xu hướng phát triển toàn cầu hóa của các mối quan hệ kinh tế quốc tế ngày nay, nắm được nguyên tắc sử dụng các công cụ và chính sách mà chính phủ và ngân hàng trung ương sử dụng để can thiệp nhằm điều chỉnh những hoạt động kinh tế đối ngoại của quốc gia để đạt được mức phúc lợi tốt nhất

\* **Kỹ năng:**

- Người học phải có khả năng sử dụng các công cụ kinh tế để phân tích và dự đoán những tác động do sự thay đổi của môi trường kinh tế quốc tế đến nền kinh tế và lợi ích của quốc gia
- Có khả năng phân tích đánh giá tác động và mục tiêu của các chính sách kinh tế đối ngoại

\* **Thái độ:**

- Đi học và làm bài tập đầy đủ, tham gia phát biểu và chuẩn bị bài thuyết trình được phân công, đọc thêm tài liệu được hướng dẫn

**4. Nội dung môn học:**

| Tên chương                              | Mục  | Nội dung khái quát   | Số tiết |    |    |    | Ghi chú |
|---|--|--|---------|----|----|----|---------|
|   |  |  | TC      | LT | BT | TH |         |
| Mở đầu:<br>Khái quát về Kinh tế quốc tế | Khái niệm, Đối tượng nghiên cứu                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các chủ thể Kinh tế quốc tế</li> <li>• Các quan hệ Kinh tế quốc tế</li> <li>• Khái niệm Kinh tế quốc tế</li> <li>• Thương mại quốc tế</li> <li>• Tài chính quốc tế</li> </ul> | 2       | 2  | 0  | 0  |         |
|   | Đặc điểm tính chất của Kinh tế quốc tế             | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặc điểm</li> <li>• Tính chất</li> <li>• Mức độ phức tạp</li> </ul>   |         |    |    |    |         |
|   | Vai trò của Kinh tế quốc tế và Mục tiêu nghiên cứu | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cơ sở của Kinh tế quốc tế</li> <li>• Vai trò của Kinh tế quốc tế</li> <li>• Mục tiêu nghiên cứu</li> </ul>  |         |    |    |    |         |
|   | Phương pháp luận                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặc điểm và phương pháp luận của môn kinh tế quốc tế</li> </ul>   |         |    |    |    |         |

| Tên chương  | Mục   | Nội dung khái quát   | Số tiết |    |    |    | Ghi chú |
|---|---|--|---------|----|----|----|---------|
|   |   |  | TC      | LT | BT | TH |         |
| Chương I:<br>Lý thuyết<br>cơ điển về<br>thương mại<br>quốc tế   | Lý thuyết<br>trọng thương   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung của lý thuyết</li> <li>Hạn chế của lý thuyết</li> </ul>  | 6       | 4  | 2  | 0  | BT: 2   |
|   | Thuyết lợi thế<br>tuyệt đối   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung của lý thuyết</li> <li>Hạn chế của lý thuyết</li> </ul>  |         |    |    |    |         |
|   | Thuyết lợi thế<br>so sánh của<br>D. Ricardo   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung của lý thuyết</li> <li>Hạn chế của lý thuyết</li> </ul>  |         |    |    |    |         |
|   | Thuyết chi<br>phí cơ hội<br>không đổi<br>của Haberler                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung của lý thuyết</li> <li>Hạn chế của lý thuyết</li> </ul>  |         |    |    |    |         |
| Chương II:<br>Lý thuyết<br>hiện đại về<br>thương mại<br>quốc tế | Lý thuyết chi<br>phí cơ hội gia<br>tăng (lý<br>thuyết chuẩn)<br>trong thương<br>mại | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nội dung của lý thuyết</li> <li>Tỷ lệ mậu dịch</li> <li>Đường cong ngoại<br/>thương</li> </ul>  | 6       | 4  | 2  | 0  | BT:2    |
|   | Lý thuyết H -<br>O  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Thâm dụng yếu tố và dư<br/>thừa yếu tố</li> <li>Định lý H-O</li> <li>Định lý Stolper –<br/>Samuelson</li> <li>Định lý cân bằng giá cả<br/>YTSX</li> <li>Định lý Rybczynski</li> </ul> |         |    |    |    |         |
| Chương III:<br>Các rào cản<br>trong<br>thương mại               | Thuế quan   | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tác động của thuế quan</li> <li>Tỷ lệ bảo hộ thực tế</li> <li>Thuế quan tối ưu</li> </ul>   | 15      | 3  | 2  | 0  | BT:2    |
|   | Các công cụ<br>hạn chế nhập<br>khẩu phi thuế<br>quan                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Quota nhập khẩu</li> <li>Hạn chế xuất khẩu tự<br/>nguyện</li> </ul>   |         |    |    |    |         |

| Tên chương                         | Mục  | Nội dung khái quát   | Số tiết |    |    |    | Ghi chú      |
|------------------------------------|--|--|---------|----|----|----|--------------|
|                                    |  |  | TC      | LT | BT | TH |              |
|                                    |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hàng rào kỹ thuật</li> </ul>  |         |    |    |    |              |
|                                    | Các chính sách đầy mạnh xuất khẩu                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Tín dụng và trợ cấp xuất khẩu</li> <li>Bán phá giá</li> </ul>   |         |    |    |    |              |
|                                    | Các tranh luận về bảo hộ mậu dịch                | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các lý do kinh tế</li> <li>Các lý do phi kinh tế</li> <li>Các lý do được chấp nhận và không được chấp nhận</li> </ul>                               |         |    |    |    |              |
|                                    | Chính sách mậu dịch của các nước đang phát triển | <ul style="list-style-type: none"> <li>Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu</li> <li>Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu</li> <li>Mô hình đàn nhạn bay</li> </ul>                             |         |    |    |    |              |
| Chương IV:<br>Tự do hóa thương mại | Toàn cầu hóa                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>Xu hướng toàn cầu hóa</li> <li>Tác động của toàn cầu hóa</li> </ul>   | 7       | 2  | 5  | 0  | BT:1<br>TT:4 |
|                                    | Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế             | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các hình thức liên minh</li> <li>Tạo lập mậu dịch và chuyển hướng mậu dịch</li> <li>Những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi hội nhập</li> </ul> |         |    |    |    |              |
|                                    | Lợi thế cạnh tranh của quốc gia                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các yếu tố quyết định lợi thế cạnh tranh quốc gia</li> <li>Các chính sách tạo lập lợi thế cạnh tranh quốc gia</li> </ul>                            |         |    |    |    |              |
| Chương V:<br>Dịch vụ               | Dịch chuyển vốn                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư trực tiếp nước ngoài</li> </ul>  | 4       | 3  | 1  | 0  | TT:1         |

| Tên chương                          | Mục                  | Nội dung khái quát  | Số tiết   |           |           |           | Ghi chú |
|-------------------------------------|----------------------|---|-----------|-----------|-----------|-----------|---------|
|                                     |                      |   | TC        | LT        | BT        | TH        |         |
| chuyên<br>nguồn lực<br>quốc tế      |                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu tư gián tiếp nước ngoài</li> <li>• Công ty đa quốc gia</li> <li>• Tác động của dịch chuyển vốn quốc tế</li> </ul>  |           |           |           |           |         |
|                                     | Dịch chuyển lao động | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tác động của dịch chuyển nguồn nhân lực</li> </ul>   |           |           |           |           |         |
| Chương VI:<br>Cán cân thanh toán    | Cán cân thanh toán   | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khái niệm</li> <li>• Nội dung cán cân thanh toán</li> <li>• Vai trò của cán cân thanh toán</li> <li>• Các yếu tố tác động đến cán cân thanh toán</li> </ul>  | 2         | 2         | 0         | 0         |         |
| Chương VII:<br>Thị trường ngoại hối | Thị trường ngoại hối | <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cung cầu ngoại tệ</li> <li>• Cơ chế hình thành tỷ giá</li> <li>• Lý thuyết ngang giá sức mua</li> <li>• Tỷ giá thực tế và tỷ giá danh nghĩa</li> <li>• Các cơ chế điều hành tỷ giá</li> <li>• Các chính sách can thiệp vào tỷ giá</li> <li>• Mô hình đường cong Z</li> </ul> | 3         | 3         | 0         | 0         |         |
| <b>Tổng cộng:</b>                   |                      |   | <b>45</b> | <b>29</b> | <b>16</b> | <b>00</b> |         |

## 5. Học liệu:

### 5.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Hoàng Thị Chinh, Nguyễn Phú Tự, Nguyễn Hữu Lộc, *Giáo trình kinh tế quốc tế*. NXB Giáo dục, 2001.

[2] Bài giảng của giảng viên

## 5.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld, International Economics

[4] Thomas A. Pugel, International Economics. Mc Grawhill 2007

[5] Dominick Salvatore, International Economics 6<sup>th</sup> Edition. John Wiley & Son, Inc 1998

## 6. Đánh giá kết quả học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM.

| STT | Điểm thành phần  | Tỉ lệ %     |
|-----|--|-------------|
| 1   | Kiểm tra giữa kỳ   | 30%         |
| 2   | Thi kiểm tra cuối kỳ   | 70%         |
|     | <b>Điểm tổng kết môn học</b><br>(Điểm kiểm tra giữa kỳ * 30% + Điểm thi cuối kỳ * 70%) | <b>100%</b> |

### Ghi chú:

- Điểm kiểm tra giữa kỳ: Là tổng điểm của điểm kiểm tra giữa kỳ và những điểm thành phần đánh giá khác.
- Điểm thi kiểm tra cuối kỳ: Là điểm của 01 lần thi kiểm tra tập trung do Nhà trường tổ chức.

## 7. Tổ chức giảng dạy và học tập

Thực hiện theo Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM.

### 7.1. Kế hoạch giảng dạy lớp ngày (4,5 tiết/buổi)

| STT | Buổi học | Nội dung   | Ghi chú     |
|-----|----------|--|-------------|
| 1.  | Buổi 1   | Khái niệm cơ bản<br>Lý thuyết thương mại cổ điển                   |             |
| 2.  | Buổi 2   | Lý thuyết thương mại cổ điển (TT)<br>Lý thuyết thương mại hiện đại | Bài tập 2T  |
| 3.  | Buổi 3   | Lý thuyết thương mại hiện đại (TT)                                 | Bài tập: 2T |
| 4.  | Buổi 4   | Chính sách hạn chế nhập khẩu                                       | Bài tập: 2T |

| STT | Buổi học | Nội dung  | Ghi chú                                   |
|-----|----------|---|---|
| 5.  | Buổi 5   | Chính sách hạn chế nhập khẩu (TT)   |   |
| 6.  | Buổi 6   | Liên minh kinh tế   | Bài tập: 1T                               |
| 7.  | Buổi 7   | Thuyết trình về các công cụ phi thuế quan của chính sách thương mại quốc tế | Thuyết trình để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ |
| 8.  | Buổi 8   | Thuyết trình về các hình thức và nội dung liên minh kinh tế quốc tế         | Thuyết trình để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ |
| 9.  | Buổi 9   | Dịch chuyển nguồn lực   |   |
| 10. | Buổi 10  | Cán cân thanh toán và thị trường ngoại hối                                  |   |

## 7.2. Kế hoạch giảng dạy lớp ngày (3,5 tiết/buổi)

| STT | Buổi học | Nội dung  | Ghi chú                                   |
|-----|----------|---|---|
| 1.  | Buổi 1   | Khái niệm cơ bản<br>Lý thuyết thương mại cổ điển                            |   |
| 2.  | Buổi 2   | Lý thuyết thương mại cổ điển (TT)<br>Lý thuyết thương mại hiện đại          | Bài tập 2T                                |
| 3.  | Buổi 3   | Lý thuyết thương mại hiện đại (TT)  | Bài tập: 2T                               |
| 4.  | Buổi 4   | Chính sách hạn chế nhập khẩu  | Bài tập: 2T                               |
| 5.  | Buổi 5   | Chính sách hạn chế nhập khẩu (TT)   |   |
| 6.  | Buổi 6   | Liên minh kinh tế   | Bài tập: 1T                               |
| 7.  | Buổi 7   | Thuyết trình về các công cụ phi thuế quan của chính sách thương mại quốc tế | Thuyết trình để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ |
| 8.  | Buổi 8   | Thuyết trình về các hình thức và nội dung liên minh                         | Thuyết trình để                           |

| <b>STT</b> | <b>Buổi học</b> | <b>Nội dung</b>          | <b>Ghi chú</b>                            |
|------------|-----------------|--------------------------|---|
|            |                 | kinh tế quốc tế          | lấy điểm kiểm tra giữa kỳ                 |
| 9.         | Buổi 9          | Thuyết trình (tiếp theo) | Thuyết trình để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ |
| 10.        | Buổi 10         | Dịch chuyên nguồn lực    |   |
| 11.        | Buổi 11         | Cán cân thanh toán       |   |
| 12.        | Buổi 12         | Thị trường ngoại hối     |   |
| 13.        | Buổi 13         | Ôn tập                   |   |

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014*

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT**

**Đặng Văn Thanh**